

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2026/DS-ST
Ngày: 16/9/2026
V/v Tranh chấp
Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Võ Bùi Diệu Lương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thanh.
2. Bà Lê Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Phú - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2026 tại Hội trường Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 295/2026/TLST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2026 về “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2025/QĐXX-ST ngày 12 tháng 8 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 82/2026/QĐST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty T; địa chỉ: Tầng A, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu C - Số A đường T, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Hoàng Xuân H, sinh năm 2002, số CCCD 045202006073; địa chỉ: H N, phường H, Thành phố Đà Nẵng - Là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 72/2026/UQ-KK-SVFC ngày 01/6/2026 và văn bản ủy quyền số 01/UQ2025 ngày 03/6/2026); có mặt.

2. Bị đơn: anh Nguyễn Thanh L; sinh năm 1989; số CCCD: 045089004333; địa chỉ: thôn H (thôn A cũ), xã N, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/6/2026, bản trình bày ý kiến và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 09/03/2022, Công ty T (Sau đây gọi tắt là “Công ty T” hoặc “Công ty”) và ông Nguyễn Thanh L có ký hợp đồng cho vay số 100796067. Công ty T cho ông Nguyễn Thanh L vay số tiền 30.700.000 đồng với lãi suất 27,5%/năm, mục đích vay: Mua phương tiện đi lại, loại hình vay: tín chấp (không yêu cầu tài sản đảm bảo). Vào ngày 09/03/2022, Công ty T đã giải ngân đủ số tiền 30.700.000 đồng cho ông Nguyễn Thanh L. Căn cứ quy định của hợp đồng cho vay số 100796067, ông Nguyễn Thanh L có nghĩa vụ thanh toán khoản vay bao gồm gốc và lãi trong vòng 24 kỳ vào ngày mùng 10 hàng tháng, số tiền thanh toán kỳ đầu tiên (kỳ 1) vào ngày 10/04/2022 là 1.679.793 đồng, kỳ thanh toán cuối cùng (kỳ 24) vào ngày 10/03/2024 số tiền là 1.679.805 đồng. Tuy nhiên cho đến nay, ông Nguyễn Thanh L chỉ mới thanh toán tổng cộng 15 kỳ với tổng số tiền 25.197.102 đồng, trong đó: gốc đã trả là 17.183.644 đồng, lãi đã trả là 8.013.458 đồng.

Ngày 18/11/2022, Công ty T và ông Nguyễn Thanh L có ký hợp đồng cho vay số 101122847. Công ty T cho ông Nguyễn Thanh L vay số tiền 51.400.000 đồng với lãi suất 36,5%/năm, mục đích vay: Mua đồ dùng/TTB gia đình, loại hình vay: tín chấp (không yêu cầu tài sản đảm bảo). Vào ngày 18/11/2026, Công ty T đã giải ngân đủ số tiền 51.400.000 đồng cho ông Nguyễn Thanh L. Căn cứ quy định của hợp đồng cho vay số 101122847, ông Nguyễn Thanh L có nghĩa vụ thanh toán khoản vay bao gồm gốc và lãi trong vòng 36 kỳ vào ngày mùng 10 hàng tháng, số tiền thanh toán kỳ đầu tiên (kỳ 1) vào ngày 10/12/2022 là 2.350.186 đồng, kỳ thanh toán cuối cùng (kỳ 36) vào ngày 10/11/2025 số tiền là 2.350.184 đồng. Tuy nhiên cho đến nay, ông Nguyễn Thanh L chỉ mới thanh toán tổng cộng 09 kỳ với tổng số tiền 21.221.674 đồng, trong đó: gốc đã trả là 8.577.327 đồng, lãi đã trả là 12.644.347 đồng.

Ông Nguyễn Thanh L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán kể từ ngày 10/07/2023 đối với Hợp đồng số 100796067 và từ ngày 10/09/2023 đối với Hợp đồng số 101122847, mặc dù Công ty đã nhiều lần liên hệ và tạo điều kiện nhưng ông Nguyễn Thanh L vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T.

Vì vậy, Công ty T yêu cầu:

- Buộc ông Nguyễn Thanh L phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán một lần toàn bộ nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến hết ngày 16/09/2026 với tổng số tiền là 136.237.908 đồng, cụ thể như sau:

+ Nợ theo Hợp đồng số 100796067 số tiền là: 30.954.224 đồng, trong đó: nợ gốc 13.516.356 đồng; nợ lãi trong hạn 1.601.762 đồng; nợ lãi quá hạn 15.836.106 đồng.

+ Nợ theo Hợp đồng số 101122847 số tiền là: 105.283.684 đồng, trong đó: nợ gốc 42.822.673 đồng; nợ lãi trong hạn 20.632.244 đồng; nợ lãi quá hạn 41.828.767 đồng.

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Thanh L1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng số 100796067 ký ngày 09/03/2022 và Hợp đồng số 101122847 ký ngày 18/11/2022.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Thanh L. Tuy nhiên ông L không trình bày ý kiến gì, không đến tham gia tố tụng tại các phiên họp và phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị phát biểu ý kiến: Trong thời gian chuẩn bị xét xử, thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn là đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 100, Điều 103 Luật Các Tổ chức tín dụng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Thanh L phải trả cho Công ty T tổng số tiền vay còn nợ tính đến ngày 16/9/2026 là 136.237.908 đồng, trong đó:

- Nợ theo Hợp đồng số 100796067 là: 30.954.224 đồng, gồm nợ gốc 13.516.356 đồng; nợ lãi trong hạn 1.601.762 đồng; nợ lãi quá hạn 15.836.106 đồng.

- Nợ theo Hợp đồng số 101122847 là: 105.283.684 đồng, gồm nợ gốc 42.822.673 đồng; nợ lãi trong hạn 20.632.244 đồng; nợ lãi quá hạn 41.828.767 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng số 100796067 ký ngày 09/03/2022 và Hợp đồng số 101122847 ký ngày 18/11/2022.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Sau khi xem xét yêu cầu của nguyên đơn, xác định đây là vụ án “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã N, tỉnh Quảng Trị nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Thanh L. Ông L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy,

căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thanh L.

[3] Về nội dung vụ án:

Ngày 09/03/2022, ông Nguyễn Thanh L có ký hợp đồng tín dụng số 100796067 với Công ty T. Ngày 18/11/2022, ông Nguyễn Thanh L có ký hợp đồng tín dụng số 101122847 với Công ty T. Các hợp đồng tín dụng số 100796067 ký ngày 09/3/2022 và hợp đồng số 101122847 ký ngày 18/11/2022 phù hợp với các quy định của pháp luật về điều kiện có hiệu lực giao dịch dân sự nói chung và Hợp đồng tín dụng nói riêng nên có hiệu lực bắt buộc đối với các bên tham gia giao dịch.

[4] Xét về khoản nợ gốc: Ngày 09/03/2022, ông Nguyễn Thanh L đã nhận được số tiền vay là 30.700.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 100796067 và chỉ trả được 17.183.644 đồng tiền gốc. Ngày 18/11/2022, ông Nguyễn Thanh L đã nhận được số tiền vay là 51.400.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 101122847 và chỉ trả được 8.577.327 đồng tiền gốc. Vì vậy, ông L phải có trách nhiệm trả số nợ gốc còn lại là 13.516.356 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 100796067 và 42.822.673 đồng Hợp đồng tín dụng số 101122847 cho Công ty T.

[5] Xét về khoản nợ lãi:

Tại Hợp đồng tín dụng số 100796067 ký ngày 09/03/2022, nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận lãi suất cho vay là 27,5%/năm; thời hạn vay 24 tháng. Theo Bản điều khoản cơ bản của Hợp đồng cho vay, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất theo quy định của hợp đồng. Sau khi vay, bị đơn ông Nguyễn Thanh L chỉ trả được 15 kì lãi với số tiền là 8.013.458 đồng. Tại bảng kê tiền lãi chi tiết, tiền lãi trong hạn ông L phải trả được tính trên số tiền gốc tương ứng với kỳ trả nợ, mức lãi suất 27,5%/năm, thời điểm bắt đầu tính lãi là 10/4/2022, kỳ cuối cùng vào ngày 10/3/2024. Tuy nhiên đến sau ngày 10/6/2023 ông L đã không trả thêm khoản tiền gốc và lãi nào. Đối với số tiền lãi quá hạn nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả được nguyên đơn tính trên số nợ gốc phải trả hàng tháng, thời điểm bắt đầu tính lãi quá hạn từ 10/8/2023 cho đến 10/3/2024, mức lãi suất là 41,25%/năm. Kể từ sau ngày 10/3/2024, số nợ gốc của ông L đã chuyển nợ quá hạn toàn bộ với lãi suất là 41,25%/năm.

Tại Hợp đồng tín dụng số 101122847 ký ngày 18/11/2022, nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận lãi suất cho vay là 36,5%/năm; thời hạn vay 36 tháng. Theo Bản điều khoản cơ bản của Hợp đồng cho vay, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất theo quy định của hợp đồng. Sau khi vay, ông L chỉ trả được 09 kì lãi với số tiền là 12.644.347 đồng. Tại bảng kê tiền lãi chi tiết, tiền lãi trong hạn ông L phải trả được tính trên số tiền gốc tương ứng với kỳ trả nợ, mức lãi suất 36,5%/năm, thời điểm bắt đầu tính lãi là 10/12/2022, kỳ cuối cùng vào ngày 10/11/2025. Tuy nhiên đến sau ngày 10/8/2023 ông L đã không trả thêm khoản tiền gốc và lãi nào. Đối với số tiền lãi quá hạn nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả được nguyên đơn tính trên số nợ gốc phải trả hàng tháng, thời điểm bắt đầu tính lãi quá hạn từ 10/9/2023

cho đến 10/11/2025, mức lãi suất là 54,75%/năm. Kể từ sau ngày 10/11/2025, số nợ gốc của ông L đã chuyển nợ quá hạn toàn bộ với lãi suất là 54,75%/năm.

Xét khoản tiền lãi, lãi quá hạn của nguyên đơn đã yêu cầu phù hợp với hợp đồng tín dụng đã ký kết, phù hợp với các quy định tại khoản 2 Điều 100, Điều 103 Luật Các Tổ chức Tín dụng nên cần chấp nhận.

Hội đồng xét xử thấy rằng, yêu cầu của Công ty T là có căn cứ, nên cần chấp, buộc ông Nguyễn Thanh L phải trả cho Công ty tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm 16/9/2026 tổng cộng tiền gốc và lãi tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết là 136.237.908 đồng.

Về án phí: Bị đơn ông Nguyễn Thanh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5% trên tổng số nợ phải trả tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm, cụ thể: 136.237.908 đồng x 5% = 6.812.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 147; Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 117, Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 100, Điều 103 Luật Các Tổ chức Tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T.

Buộc ông Nguyễn Thanh L phải trả cho Công ty T tổng số tiền đã vay còn nợ tính đến ngày 16/9/2026 là 136.237.908 đồng (một trăm ba mươi sáu triệu hai trăm ba mươi bảy ngàn chín trăm lẻ tám đồng), bao gồm:

- Nợ theo Hợp đồng tín dụng số 100796067 ký ngày 09/03/2022 số tiền là: 30.954.224 đồng, trong đó: nợ gốc 13.516.356 đồng; nợ lãi trong hạn 1.601.762 đồng; nợ lãi quá hạn 15.836.106 đồng.

- Nợ theo Hợp đồng tín dụng số 101122847 ký ngày 18/11/2022 số tiền là: 105.283.684 đồng, trong đó: nợ gốc 42.822.673 đồng; nợ lãi trong hạn 20.632.244 đồng; nợ lãi quá hạn 41.828.767 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng số 100796067 ký ngày 09/03/2022 và Hợp đồng số 101122847 ký ngày 18/11/2022.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36 và Điều 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Thanh L phải chịu 6.812.000 đồng (sáu triệu tám trăm mười hai ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Công ty T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.150.000 đồng theo biên lai số 0000081 ngày 06/7/2026 của Thi hành án Dân sự tỉnh Quảng Trị.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND KV6-Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, HC-TP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Bùi Diệu Lương